

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất kho ngoại quan để nhập khẩu vào nội địa hoặc nhập khẩu vào khu phi thuế quan hoặc tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người khai hải quan khai tờ khai hải quan nhập khẩu theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 39/2018, thực hiện thủ tục hải quan nhập khẩu tương ứng từng loại hình theo quy định. Cung cấp thông tin (số tờ khai hải quan hoặc số quản lý hàng hóa) của lô hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan cho doanh nghiệp kinh doanh kho.

Bước 2: Cơ quan hải quan cung cấp thông tin hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan hoặc thông báo tạm dừng đưa hàng qua khu vực giám sát và gửi đến Hệ thống của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng.

Trường hợp thay đổi trạng thái tờ khai hải quan (tạm dừng, bỏ tạm dừng, hủy sau thông quan) hoặc thay đổi container đủ điều kiện qua khu vực giám sát (sửa, hủy) thì cơ quan hải quan cập nhật thông tin trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và gửi đến Hệ thống của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng.

Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh kho gửi thông tin đề nghị hủy xác nhận hàng hóa qua khu vực giám sát đối với lô hàng (có nêu rõ lý do) thì công chức hải quan giám sát quyết định cho phép việc hủy xác nhận trên Hệ thống và cung cấp thông tin đến hệ thống của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng.

Bước 3: Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan đối chiếu sự phù hợp giữa thông tin tiếp nhận từ Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan với thực tế hàng hóa khi đưa ra khỏi kho về số hiệu Container, số niêm phong của hãng vận chuyển hoặc hải quan (nếu có) gắn trên container, số lượng kiện, trọng lượng hoặc thể tích đối với hàng rời (tùy điều kiện giao nhận hàng) cho phép hoặc không cho phép hàng qua khu vực giám sát hải quan; cập nhật thông tin lô hàng đưa ra khỏi khu vực giám sát và gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan

Bước 4: Cơ quan hải quan tiếp nhận thông tin hàng hóa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan từ Hệ thống của doanh nghiệp kinh doanh kho, hướng dẫn người khai hải quan hoàn thành thủ tục đối với lô hàng chưa đủ điều kiện qua khu vực giám sát theo thông báo của doanh nghiệp kinh doanh kho (nếu có) hoặc lập Biên bản vi phạm hành chính (nếu có) và xử lý theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

+ Thực hiện trên hệ thống thông quan điện tử, thủ công (giấy)

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo quy định

- Thời hạn giải quyết:

- Cơ quan hải quan tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan theo quy định của Luật Hải quan năm 2014.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận hàng qua khu vực giám sát hoặc biên bản vi phạm hành chính.

- **Phí, lệ phí:** hàng hóa gửi kho ngoại quan thu lệ phí làm thủ tục hải quan một lần khi làm thủ tục nhập kho, khi xuất kho không thu; mức thu là 20.000 VNĐ/tờ khai.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 01 tại Phụ lục I Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 và Phụ lục IV Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Các loại hàng hóa sau đây không được nhập khẩu vào nội địa từ kho ngoại quan:

+ Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục tại cửa khẩu nhập theo quy định tại Quyết định số 15/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục hàng hóa phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập không được nhập khẩu vào nội địa từ kho ngoại quan (trừ kho ngoại quan nằm trong cửa khẩu cảng biển, cửa khẩu đường bộ và cảng hàng không quốc tế).

+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu quy định tại Điều 2 Quyết định 15/2017/QĐ-TTg đưa vào kho ngoại quan thì được làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý kho ngoại quan hoặc Chi cục Hải quan tương ứng quy định tại Điều 2 Quyết định 15/2017/QĐ-TTg để đưa vào nội địa.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát, hải quan và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

- Điểm 4 khoản 59 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung Điều 91 của Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
- Thông tư 14/2021 ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.
- Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 ban hành danh mục hàng hóa phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập



HQ/2015/NK

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai:		Số tham chiếu: Ngày, giờ gửi:		Số tờ khai: Ngày, giờ đăng ký: Số lượng phụ lục tờ khai:		Công chức đăng ký tờ khai		
Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:		Người xuất khẩu:		5. Loại hình:				
		Người nhập khẩu:		6. Hóa đơn thương mại:		7. Giấy phép số: Ngày: Ngày hết hạn:		8. Hợp đồng: Ngày: Ngày hết hạn:
MST: _____				9. Văn đơn (số/ngày):		10. Cảng xếp hàng:		11. Cảng dỡ hàng:
Người uỷ thác/người được ủy quyền:				12. Phương tiện vận tải:		13. Nước xuất khẩu:		
MST: _____				Tên, số hiệu: _____ Ngày đến: _____				
Đại lý Hải quan:				14. Điều kiện giao hàng:		15. Phương thức thanh toán:		
MST: _____				16. Đồng tiền thanh toán:		17. Tỷ giá tính thuế:		
Số T	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
1								
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế			Thuế suất (%) / Mức thuế		Tiền thuế	
6. Thuế nhập khẩu								
7. Thuế TTDB								
8. Thuế BVMT								
9. Thuế GTGT								
0. Tổng số tiền thuế (ô 26+27+ 28+29):								
Lăng chữ:								
31. Lượng hàng, số hiệu container								
Số T	a. Số hiệu container	b. Số lượng kiện trong container				c. Trọng lượng hàng trong container		
1								
2								
						Cộng:		
12. Chứng từ đi kèm				33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai. Ngày tháng năm (Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)				
34. Kết quả phân luồng và hướng dẫn làm thủ tục hải quan			36. Xác nhận của hải quan giám sát		37. Xác nhận giải phóng hàng/ đưa hàng về bảo quản/chuyển cửa khẩu		38. Xác nhận thông quan	
35. Ghi chép khác								

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai:				Phụ lục số:			Số tờ khai:	
Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:				Ngày, giờ đăng ký:			Loại hình:	
Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
1								
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế			Thuế suất (%) / Mức thuế		Tiền thuế	
26. Thuế nhập khẩu								
27. Thuế TTDB								
28. Thuế BVMT								
29. Thuế GTGT								
Cộng:								
Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
2								
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế			Thuế suất (%) / Mức thuế		Tiền thuế	
26. Thuế nhập khẩu								
27. Thuế TTDB								
28. Thuế BVMT								
29. Thuế GTGT								
Cộng:								
Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
3								
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế			Thuế suất (%) / Mức thuế		Tiền thuế	
26. Thuế nhập khẩu								
27. Thuế TTDB								
28. Thuế BVMT								
29. Thuế GTGT								
Cộng:								
31. Lượng hàng, số hiệu container.								
Số TT	a. Số hiệu container	b. Số lượng kiện trong container				c. Trọng lượng hàng trong container		
1								
2								
3								
4								
Cộng:								

33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai
 Ngày tháng năm
 (Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)